

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Tâm;

2) Ông Phạm Đức Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:145/2021/ TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm: 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm HT, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký tạm trú: Xóm HL, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm HT, xã BT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình xét xử, nguyên đơn: chị Trần Thị Ng trình bày:

Chị và anh Q đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 KH (quyển số 01/03), ngày 17/12/2003. Việc kết hôn giữa chị và anh Q hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh Q sống chung với gia đình bố mẹ đẻ anh Q một thời gian, sau đó

anh chị làm nhà ra ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh Q tại xóm HT, xã BT, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm đầu, sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu không quan tâm đến cuộc sống của vợ, con. Chị và người thân trong gia đình đã khuyên giải, góp ý nhiều lần nhưng anh Q không hề thay đổi dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên to tiếng, cãi cọ nhau, anh Q dùng những lời nói xúc phạm chị và gia đình chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Không thể chịu đựng được nên từ đầu năm 2014 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống tại xóm HL, xã SP, huyện Đ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Phạm Văn Quyến, sinh ngày 28/8/2005. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Ng xác định vợ chồng có 01 căn nhà gỗ, làm trên đất của bố mẹ anh Q, sau khi chị đưa con về ở với gia đình bố mẹ chị tại xóm HL, xã SP, anh Q đã dỡ nhà, vật dụng trong gia đình anh Q đã bán hết nay chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; vợ chồng không có nợ chung.

Phía bị đơn - anh Phạm Văn Q, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như Thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh Q không có văn bản nêu ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh về địa chỉ cư trú và tình trạng hôn nhân của anh Q và chị Ng. Về địa chỉ cư trú của anh Q, Công an xã BT cung cấp: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1980, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm HT, xã BT, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, anh Q là lao động tự do, vẫn sinh hoạt thôn xóm tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân của anh Q, chị Ng, ông Phạm Văn Kỳ - là bố đẻ anh Q cung cấp: Ông không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh Q và chị Ng, trong thời gian chung sống, anh Q và chị Ng có cãi cọ nhau, chị Ng đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã SP sinh sống từ lâu. Về con chung: Anh Q và chị Ng có 01 con chung là Phạm Văn Quyến, sinh ngày 28/8/2005, hiện cháu đang ở với chị Ng. Về tài sản

chung: Anh Q và chị Ng có 01 căn nhà gỗ làm trên đất của ông, từ khi mâu thuẫn vợ chồng, chị Ng bỏ đi, anh Q đã dỡ nhà và chuyển sang ở với ông, nay anh Q đi đâu, làm gì ông không rõ.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh Q không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh Q theo quy định của pháp luật, kiên quyết ly hôn với anh Q và giữ nguyên yêu cầu, quan điểm giải quyết về con chung như đã trình bày ở trên.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tổng đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Không chấp hành theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 và Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Ng, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ng và anh Phạm Văn Q; Về con chung: Giao cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Văn Quyền, sinh ngày 28/8/2005 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn Q do chị Trần Thị Ng tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị Ng không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đối với đương sự.

Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn - anh Phạm Văn Q cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Phiên tòa ngày hôm nay là lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Trần Thị Ng và anh Phạm Văn Q có đăng ký kết hôn và được cấp chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Ng xin được ly hôn anh Phạm Văn Q thấy: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh Q không có ý kiến gì, không đến Tòa án để làm việc, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa ngày hôm nay của chị Ng và kết quả xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Q đã quá trầm trọng, vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng, cho ly hôn giữa chị Ng và anh Q.

Về con chung: Chị Ng và anh Q có 01 con chung là Phạm Văn Quyền, sinh ngày 28/8/2005, từ năm 2014 đến nay chị Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện đang ổn định nơi cư trú, ăn ở, học hành. Anh Q không có công việc ổn định, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, khi ly hôn cần giao con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con của chị Ng là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn Q.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét; vợ chồng không có nợ chung.

Về án phí: Chị Trần Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ng và anh Phạm Văn Q.

2.Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Phạm Văn Quyến, sinh ngày 28/8/2005 cho chị Trần Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

2.2.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q do chị Ng tự nguyện không yêu cầu. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

3.Về tài sản chung: Không giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ng phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004453 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiêm